

Số /KH-STNMT

Bắc Kạn, ngày tháng 7 năm 2019

## **KẾ HOẠCH**

### **Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn năm 2020**

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 868/STTTT-CNTT ngày 09/7/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước năm 2020.

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn năm 2020 như sau:

#### **A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT 2019**

##### **I. KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2019**

##### **1. Ứng dụng CNTT để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

Trong năm Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên cập nhật, công bố, công khai danh mục, nội dung TTHC điều chỉnh, bổ sung trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn tại địa chỉ <http://tnmt.backan.gov.vn/>; Đồng thời cũng thông báo cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại Thông báo số 62/TB-STNMT ngày 22/8/2018 và đăng tải Thông báo trên trang thông tin điện tử của Sở.

Bên cạnh đó, Sở luôn chấp hành nghiêm chế độ báo cáo kiểm soát TTHC theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP về việc hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. Trong quý I và quý II năm 2019, Sở đã thực hiện báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính tại Báo cáo số 50/BC-STNMT ngày 20/3/2019, Báo cáo số 137/BC-STNMT ngày 18/6/2019.

Kết quả tiếp nhận, giải quyết TTHC được thực hiện đúng quy định, thông tin cập nhật đúng, đủ chính xác trên phần mềm một cửa, một cửa liên thông tỉnh tại địa chỉ <https://motcua.backan.gov.vn/>; <https://motcualienthong.backan.gov.vn> và tại bộ phận một cửa của tỉnh, của Sở, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và các chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện.

##### **2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

- Đánh giá mức độ đáp ứng chỉ tiêu đặt ra tại Quyết định 1189/QĐ-UBND.

Thực hiện Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích

cho các Sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2018. Sở Tài nguyên và Môi trường đã thông báo cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích tại Thông báo số 62/TB-STNMT ngày 22/8/2018. Tổng cộng có 97 TTHC thuộc trách nhiệm giải quyết; trong đó có 59 TTHC phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

- Thống kê các số liệu như sau:

+ Tổng số TTHC của đơn vị: 97 TTHC

+ Số lượng DVCTT mức độ 3: 76 TTHC

+ Số lượng DVCTT mức độ 4: 41 TTHC

+ Số DVCTT mức độ 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 2

+ Số DVCTT mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 0

+ Số lượng hồ sơ tiếp nhận giải quyết qua môi trường mạng của từng DVC trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận, giải quyết từ thời điểm 16/12/2018 đến 15/6/2019 theo bảng sau:

**Danh sách chi tiết DVCTT mức độ 3:**

S TT	Nhóm dịch vụ	Tên dịch vụ	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và không trực tuyến	Trong đó			Ghi chú (* )
				Số lượng hồ sơ trực tuyến	SL hồ sơ qua bưu chính công ích	SL hồ sơ nộp trực tiếp tại đơn vị	
<b>I</b>	<b>DVCTT triển khai theo Bộ, ngành TW</b>						
<b>II</b>	<b>DVCTT triển khai trên hệ thống "Một cửa" của tỉnh</b>		10.268	04	21	10.243	
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		10.163	04	0	10.138	
2		Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	22	02	0	20	
6		Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài	13	0	0	13	

		có chức năng ngoại giao					
7		Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	09	0	0	09	
10		Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	06	0	0	06	
12		Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	01	0	0	01	
17		Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	1.323	02		1.321	
20		Tách thửa hoặc hợp thửa đất	452			452	
21		Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	536			536	
22		Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	361			361	
23		Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	232			232	
24		Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	796			796	
27		Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	12			12	

29		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	19			19	
30		Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có giấy chứng nhận	5.337		21	5.316	
32		Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức (trừ doanh nghiệp); thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân (Đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (đối với tổ chức))	40			40	
34		Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	16			16	
35		Đăng ký đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	24			24	
37		Cung cấp dữ liệu đất đai tại địa phương	04			04	
38		Đăng ký giao dịch bảo đảm	959			959	
39		Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	01			01	
<b>II</b>	<b>Môi trường</b>		23			23	

14		Cấp lại sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	01			01	
15		Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	22			22	
<b>III</b>	<b>Khí tượng thủy văn</b>		00			00	
<b>IV</b>	<b>Khoáng sản</b>		01			01	
6		Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản	01			01	
<b>V</b>	<b>Tài nguyên nước</b>		01			01	
4		Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	01			01	
<b>VI</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>		80			80	
1		Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai tài nguyên và môi trường	72			72	
2		Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (được UBND tỉnh Bắc Kạn công bố tại Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn )	08			08	

**Danh sách chi tiết DVCTT mức độ 4:**

S TT	Nhóm dịch vụ	Tên dịch vụ	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và không trực tuyến	Trong đó			Ghi chú (* )
				Số lượng hồ sơ trực tuyến	SL hồ sơ qua bưu chính công ích	SL hồ sơ nộp trực tiếp tại đơn vị	
<b>I</b>	<b>DVCTT triển khai theo Bộ, ngành TW</b>						
<b>II</b>	<b>DVCTT triển khai trên hệ thống "Một cửa" của tỉnh</b>		0	0	0	0	
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		0	0	0	0	
<b>II</b>	<b>Môi trường</b>		0	0	0	0	
<b>III</b>	<b>Khí tượng thủy văn</b>		0	0	0	0	
<b>IV</b>	<b>Khoáng sản</b>		0	0	0	0	
<b>V</b>	<b>Tài nguyên nước</b>		0	0	0	0	
<b>VI</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>		0	0	0	0	

**3. Ứng dụng CNTT tại Bộ phận một cửa trong việc tiếp nhận, giải quyết TTTC**

Đơn vị đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện tốt ứng dụng phần mềm một cửa, một cửa liên thông tại Sở, các đơn vị và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố, đến nay 8/8 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố hoạt động ổn định giải quyết TTHC liên thông lên Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường; Hiện nay đơn vị đang phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh và Cục thuế tỉnh, Tổng Cục thuế để mở cổng liên thông TTHC với ngành thuế nhằm giảm bớt thời gian giải quyết và bớt phiền hà cho người dân trong các TTHC có thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước.

#### **4. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ**

##### ***a, Triển khai hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc***

Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai và duy trì hoạt động tốt phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc TDOffice tại Sở và tất cả các đơn vị trực thuộc (bao gồm 05 phòng và 03 đơn vị trực thuộc Sở). 100% công chức, viên chức, người lao động trong Sở sử dụng phần mềm trong xử lý hồ sơ công việc, thực hiện đảm bảo đầy đủ theo đúng quy trình khép kín hồ sơ công việc từ khi tiếp nhận văn bản đến, phân công xử lý, dự thảo văn bản, kiểm tra, ký duyệt và phát hành văn bản ký số kết thúc công việc. Đến nay tất cả Lãnh đạo Sở và các đơn vị trực thuộc đã được cấp và sử dụng chữ ký số để xử lý công việc, việc ký số trên văn bản và bảo quản thiết bị ký số được thực hiện đúng theo quy định;

Sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc TDOffice đem lại hiệu quả đáng kể giúp cho các cấp lãnh đạo trong đơn vị luôn bám sát nhiệm vụ được phân công, giao việc, kiểm tra, kiểm soát và theo dõi được quá trình thực hiện nhiệm vụ, thời gian, tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành nhiệm vụ từ khi giao đến khi công việc hoàn thành.

- Tỷ lệ văn bản không mật gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, song song điện tử, bản giấy và hoàn toàn bản giấy của đơn vị.

100 % hồ sơ, văn bản thông thường (không phải văn bản mật) của Sở và các đơn vị đều được ký số và được gửi đi dưới dạng điện tử trên phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc và trên hệ thống mạng.

Việc gửi văn bản song song điện tử, bản giấy và hoàn toàn bản giấy chỉ được thực hiện đối với các văn bản quy định bắt buộc phải có bản giấy cũng như bên nhận yêu cầu có bản in giấy và các đơn vị không có TD Office.

- Tỷ lệ văn bản không mật trình UBND tỉnh hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song điện tử, giấy.

100 % văn bản không phải văn bản mật của Sở trình lên UBND tỉnh đều được trình dưới dạng điện tử, trong đó có 100 % hồ sơ, văn bản được trình dưới dạng điện tử và song song điện tử, giấy.

- Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử của Sở với các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố khác từ 1/1/2019 thời điểm báo cáo Sở thực hiện được 600 văn bản đi / tổng số

2.443 văn bản đi, đạt 24,5 % . và tiếp nhận 1.250 văn bản đến / tổng số 6.003 văn bản đến, đạt 20,8 % .

***b, Quản lý, mức độ sử dụng chữ ký số chuyên dùng được cấp:***

- Số lượng chữ ký số chuyên dùng cá nhân được lãnh đạo sử dụng.

Đến tháng 7 năm 2019, tổng số chữ ký số trang bị cho các cá nhân là lãnh đạo của Sở và các đơn vị thuộc Sở sử dụng là 21 chiếc, số khóa chữ ký số cấp cho tổ chức là 13 chiếc.

- Các loại giao dịch điện tử có sử dụng chữ ký số chuyên dùng của đơn vị.

Hiện nay chữ ký số cấp cho đơn vị sử dụng mới chỉ thực hiện được ký số trên văn bản điện tử mà chưa thực hiện được các giao dịch điện tử như liên thông với kho bạc nhà nước, thuế và bảo hiểm xã hội,...

Việc quản lý và sử dụng chứng thư số được cấp trong đơn vị đều được thực hiện theo đúng quy định. Sử dụng chữ ký số tại Sở đã mang lại nhiều hiệu quả như: Giảm chi phí giấy, mực, gửi văn bản qua đường bưu điện, rút ngắn thời gian gửi văn bản, góp phần triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ thời gian và nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

***c, Triển khai hệ thống thư điện tử công vụ:***

100% công chức, viên chức, lao động thực hiện chuyên môn nghiệp vụ trong Sở được cấp tài khoản và có 90 % công chức, viên chức, lao động thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử công vụ để trao đổi thông tin, thực hiện nhiệm vụ. Trong năm vẫn còn một số tài khoản có mức độ sử dụng hạn chế do một số viên chức và người lao động thường xuyên thực hiện vụ tại các công trình xa cũng như ít phát sinh giao dịch trao đổi bằng thư điện tử công vụ, các nhân viên nghỉ chế độ thai sản, nghỉ ốm,... ngoài ra trong năm vẫn còn một số tài khoản của tổ chức, đơn vị cũng chưa thường xuyên được sử dụng do các thành viên của tổ chức, đơn vị đa phần sử dụng tài khoản của cá nhân để trao đổi liên hệ công việc.

***d, Triển khai các phần mềm chuyên ngành:***

Hiện nay Sở Tài nguyên và Môi trường đang sử dụng rất nhiều phần mềm trong xử lý thực hiện nhiệm vụ, ngoài các phần mềm như Kế toán MISA, Phần mềm Quản lý công sản,... Sở còn đang sử dụng nhiều phần mềm, ứng dụng chuyên ngành để thực hiện công việc như: Phần mềm quản lý kho tư liệu Tài nguyên và Môi trường; Phần mềm tính toán, bình sai số liệu đo đạc; Phần mềm thống kê, kiểm kê; Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu đất đai và viết Giấy chứng nhận TMV.LIS; các phần mềm phục vụ đo đạc và biên tập bản đồ như: MicroStation, Autocad, MapInfo, Emap, ArcGIS,...

**5. Kết quả triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu:**

Hiện nay Sở Tài nguyên và Môi trường đang ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý đất đai, Sở đã xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai tại hai huyện Ngân Sơn và Chợ Đồn, hiện nay cơ sở dữ liệu đất đai tại hai huyện này đang được quản lý và vận hành tại Trung tâm CNTT TN&MT tỉnh để phục vụ các nhiệm vụ

chuyên môn của ngành trên địa bàn. Sở cũng đang tiếp tục triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại hai huyện Na Rì và thành phố Bắc Kạn, dự kiến hoàn thành trong năm 2019,

Việc triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đưa vào hoạt động, đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào thực hiện nhiệm vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường thời gian qua đã đem lại hiệu quả thiết thực, phục vụ tích cực cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn, nhanh gọn, chính xác các nhiệm vụ được xử lý, thực hiện trực tiếp trên phần mềm và trực tuyến trên môi trường mạng (truy vấn, khai thác dữ liệu đất đai; quản lý quy trình cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai; dịch vụ đăng ký đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; các bản đồ về hiện trạng sử dụng đất, bản đồ về quy hoạch sử dụng đất, bản đồ giá đất,..), ngoài phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của ngành, hiện nay hệ thống còn đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân, tổ chức có nhu cầu tra cứu thông tin đất đai trên môi trường mạng internet.

Về công tác kết nối chia sẻ thông tin dữ liệu, hiện nay Sở đang triển khai nhiệm vụ Nâng cấp, mở rộng phần mềm quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Kạn đảm bảo yêu cầu đáp ứng các chuẩn về liên thông phần mềm với các Sở, ngành, địa phương theo Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT cơ quan nhà nước để đáp ứng việc chia sẻ, cung cấp thông tin trên địa bàn tỉnh và các Bộ, ngành.

Dự kiến đến năm 2021, Sở TN&MT hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại tất cả các huyện và khi hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn toàn tỉnh đi vào hoạt động sẽ nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

## **6. Hạ tầng kỹ thuật**

Về hạ tầng CNTT đến nay 100% công chức, viên chức trong Sở đều được trang bị máy tính và các thiết bị để làm việc, các phòng và các đơn vị tùy theo nhiệm vụ được trang bị các thiết bị phục vụ công tác chuyên môn như máy in A4, A3, A0; máy quét tài liệu A4, A3, A0, máy photocopy và các thiết bị chuyên dụng phục vụ nghiệp vụ chuyên môn. Tổng số máy tính của đơn vị hiện nay là 123 máy, trong đó có 113 máy tính để bàn, 10 máy tính xách tay. Tuy nhiên nhiều thiết bị được trang bị và sử dụng đã lâu, hiện nay tại Sở và các đơn vị còn nhiều máy tính có cấu hình thấp, nhiều thiết bị ngoại vi đã cũ và lạc hậu (đến nay trong Sở có khoảng 20 % số máy tính đã sử dụng từ 8 đến 10 năm).

Về hạ tầng trang thiết bị mạng, hiện nay Sở Tài nguyên và Môi trường có 4 mạng nội bộ LAN, trong đó có 01 mạng LAN của khối Văn phòng sở và 03 mạng LAN tại các đơn vị trực thuộc, các mạng này vẫn hoạt động độc lập mà chưa được kết nối thành hệ thống, hiện nay các máy tính trong cơ quan đều được kết nối mạng LAN để sử dụng chung tài nguyên, chia sẻ dữ liệu và được kết nối ra ngoài qua mạng Internet. Nhìn chung hệ thống mạng hiện tại của Sở hiện nay rất yếu hầu như không có năng lực bảo vệ, hiện tại chỉ có Trung tâm CNTT TN&MT được trang bị tường lửa để bảo vệ, các mạng còn lại đều không có tường lửa do kinh phí eo hẹp và chỉ được trang bị phần mềm diệt vi rút cho máy tính cá nhân.



Về hệ thống máy chủ, toàn bộ hệ thống máy chủ của Sở TN&MT được đặt tại Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường để thực hiện nhiệm vụ vận hành các Cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường của ngành trên địa bàn tỉnh. Hiện nay trung tâm có 13 máy chủ, trong đó 09 máy chủ được đầu tư năm 2014 làm nhiệm vụ vận hành hệ thống CSDL đất đai hoạt động ổn định, còn lại 04 máy chủ đầu tư từ năm 2008 làm nhiệm vụ vận hành hệ thống Kho tư liệu tài nguyên và môi trường và quản trị hệ thống mạng nội bộ, các máy này cấu hình thấp và thời gian sử dụng đã lâu nên hay xảy ra sự cố, do vậy rất cần được nâng cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

## **7. Nguồn nhân lực**

Hiện nay, công chức, viên chức, người lao động của Sở đều sử dụng thành thạo máy tính phục vụ công tác soạn thảo văn bản và các phần mềm chuyên ngành phục vụ nhiệm vụ chuyên môn được giao, về trình độ CNTT có 05 viên chức trình độ Đại học CNTT. Sở có một đơn vị phụ trách về CNTT của ngành là Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường đảm nhận nhiệm vụ tham mưu giúp lãnh đạo Sở trong việc triển khai chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn, xây dựng cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, là đầu mối kết nối với mạng thông tin của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các ngành trong tỉnh.

## **8. Môi trường pháp lý**

Sở TN&MT đã ban hành nhiều văn bản, kế hoạch, quyết định để tăng cường chỉ đạo và triển khai các ứng dụng Công nghệ thông tin của ngành như:

Quyết định số 117/QĐ-STNMT ngày 31/12/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường V/v Ban hành Quy chế quản lý hệ thống tin học và quy chế sử dụng thư điện tử Sở TN&MT Bắc Kạn;

Quyết định số 305/QĐ-STNMT ngày 21/9/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trang thông tin điện tử (Website) Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn;

Quyết định số 180/QĐ-STNMT ngày 20/6/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế nội bộ quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Quyết định số 187/QĐ-STTMT ngày 27/6/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Quyết định Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn;

Kế hoạch số 1132/KH-STNMT ngày 31/10/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Kế hoạch 5 năm 2016-2020 các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn;

Kế hoạch số 646/KH-CNTT ngày 07/7/2015 về Triển khai phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Kế hoạch số 751/KH-STNMT ngày 31/7/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Kế hoạch Hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày

01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Kế hoạch số 1079/KH-STNMT ngày 20/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 106/KH-STNMT ngày 28/1/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Kế hoạch số 86/KH-STNMT ngày 18/8/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Kế hoạch Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 – 2020;

Văn bản số 544/STNMT-VP ngày 08/5/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc gửi nhận văn bản điện tử.

Ngoài ra định kỳ hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường đều xây dựng kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngành trên địa bàn tỉnh.

## **9. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch 2019, Kế hoạch 5 năm của đơn vị và của tỉnh:**

### ***a) Kế hoạch 2019:***

***Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 454/KH-UBND ngày 29/10/2018.***

Tổng số nhiệm vụ đơn vị được giao có 9 nhiệm vụ, trong đó đơn vị đang triển khai thực hiện 6 nhiệm vụ và 3 nhiệm vụ chưa thực hiện, cụ thể:

#### **- Nhiệm vụ đang thực hiện**

Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Na Rì

Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Bắc Kạn

Duy trì hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu Tài nguyên và Môi trường phục vụ công tác quản lý của ngành tài nguyên môi trường trên địa bàn toàn tỉnh

Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống máy chủ và hệ thống mạng của ngành Tài nguyên và Môi trường

Bảo trì kho lưu trữ, định giá đất cụ thể năm 2018 và chỉnh lý biến động đất đai - Đang triển khai. Riêng hạng mục: "Chỉnh lý biến động đất đai" không triển khai.

Duy trì hoạt động của Trang thông tin điện tử

#### **- Nhiệm vụ chưa thực hiện**

Mua sắm, nâng cấp các phần mềm chuyên ngành Tài nguyên và môi trường

Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý phục vụ công tác quản lý của ngành tài nguyên môi trường trên địa bàn toàn tỉnh

Số hoá kho dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ cho công tác lưu trữ và quản lý nhà theo quy định (giai đoạn II từ năm 2012-2020)

Lý do: Chưa có nguồn kinh phí.

***Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 10/12/2018***

Lĩnh vực ứng dụng Công nghệ thông tin có 02 nhiệm vụ đó là:

- Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Kạn, được UBND tỉnh đổi tên tại Văn bản số 2074/UBND-KTKTTC ngày 23/4/2019 thành nhiệm vụ “Nâng cấp, mở rộng phần mềm quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Kạn”.

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Bắc Kạn

Tại thời điểm báo cáo đơn vị đã xây dựng xong Đề cương và Dự toán của cả hai nhiệm vụ và đang xin ý kiến các ngành Tài chính, Thông tin và truyền thông để triển khai các bước tiếp theo theo quy định, dự kiến thời gian hoàn thành nhiệm vụ tháng 12 năm 2019.

***Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Sở TN&MT xây dựng tại Kế hoạch số 59/KH-STNMT ngày 24/10/2018.***

Tổng số nhiệm vụ đơn vị xây dựng có 11 nhiệm vụ, trong đó đơn vị đang triển khai thực hiện 4 nhiệm vụ và 7 nhiệm vụ chưa thực hiện, cụ thể:

**- Nhiệm vụ đang thực hiện**

Duy trì các hoạt động của trang thông tin điện tử (Website sở)

Duy trì hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu Tài nguyên và Môi trường phục vụ công tác quản lý của ngành tài nguyên môi trường trên toàn tỉnh

Thay thế máy tính làm việc cho công chức, viên chức và các thiết bị tin học tại Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị trực thuộc Sở

Bổ sung trang thiết bị máy tính tại Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường (01 bộ máy tính để bàn; 01 máy tính màn hình cảm ứng hiển thị danh mục, nội dung, quy trình giải quyết các TTHC; 01 máy scan)

**- Nhiệm vụ chưa thực hiện**

Nâng cấp mạng LAN tại Sở Tài nguyên và Môi trường

Đầu tư trang thiết bị cho phòng máy chủ ngành Tài nguyên và Môi trường

Mua sắm, nâng cấp các phần mềm chuyên ngành Tài nguyên và môi trường

Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý phục vụ công tác quản lý của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh

Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống máy chủ và hệ thống mạng của ngành Tài nguyên và Môi trường

Đào tạo và đào tạo lại cho công chức, viên chức kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc và đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Tập huấn các chương trình phần mềm chuyên ngành tài nguyên và môi trường cho công chức, viên chức của ngành tài nguyên và môi trường từ tỉnh, huyện đến đội ngũ công chức làm công tác địa chính tại các xã, phường

Lý do: Chưa có nguồn kinh phí.

**b) Kế hoạch 2017-2020:** Đánh giá cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ được giao đã hoàn thành, mức độ hoàn thành, chưa hoàn thành.

***Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Quyết định 558/QĐ-UBND ngày 27/04/2017***

Tổng số nhiệm vụ đơn vị được giao thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 có 08 nhiệm vụ, trong đó đơn vị đang triển khai thực hiện 3 nhiệm vụ và 5 nhiệm vụ chưa thực hiện, cụ thể:

- Tổng số Danh mục Dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của tỉnh và hỗ trợ của Trung ương giai đoạn 2017-2020: 06 nhiệm vụ, trong đó:

**+ Nhiệm vụ đang thực hiện: 02 nhiệm vụ**

Duy trì hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu Tài nguyên và Môi trường phục vụ công tác quản lý của Ngành Tài nguyên - Môi trường trên địa bàn toàn tỉnh

Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống máy chủ và hệ thống mạng của Ngành Tài nguyên và Môi trường.

**+ Nhiệm vụ chưa thực hiện: 04 nhiệm vụ**

Nâng cấp mạng LAN tại Các Sở, Ban, Ngành, huyện/thành phố

Đầu tư trang thiết bị cho phòng máy chủ Ngành Tài nguyên - Môi trường

Mua sắm, nâng cấp các phần mềm chuyên Ngành Tài nguyên và Môi trường

Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý phục vụ công tác quản lý của Ngành Tài nguyên Môi trường trên địa bàn toàn tỉnh

- Tổng số Danh mục Dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn được giao cho đơn vị và các nguồn ngân sách khác năm 2019: 02 nhiệm vụ

**+ Nhiệm vụ đang thực hiện: 01 nhiệm vụ**

Thay thế 1 số máy tính làm việc cho công chức, và các thiết bị tin học tại Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị thuộc Sở .

**+ Nhiệm vụ chưa thực hiện: 01 nhiệm vụ**

Tập huấn các chương trình, phần mềm chuyên ngành tài nguyên và môi trường cho công chức, viên chức của ngành tài nguyên và môi trường ( gồm từ tỉnh, huyện đến đội ngũ công chức địa chính các xã phường, thị trấn)

***Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Sở TN&MT xây dựng tại Kế hoạch số 86/KH-STNMT ngày 18/8/2017.***

Tổng số nhiệm vụ đơn vị xây dựng trong giai đoạn 2017-2020 là 11 nhiệm vụ, trong đó năm 2019 triển khai 9 nhiệm vụ. Trong năm 2019 đơn vị đã thực hiện 4 nhiệm vụ và 5 nhiệm vụ chưa thực hiện, cụ thể:

- Tổng số Danh mục Dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của tỉnh và hỗ trợ của Trung ương năm 2019: 07 nhiệm vụ, trong đó:

**+ Nhiệm vụ đang thực hiện: 03 nhiệm vụ**

Duy trì hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu Tài nguyên và Môi trường phục vụ công tác quản lý của Ngành Tài nguyên - Môi trường trên địa bàn toàn tỉnh

Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống máy chủ và hệ thống mạng của Ngành Tài nguyên và Môi trường.

Duy trì các hoạt động của trang thông tin điện tử (Website sở)

**+ Nhiệm vụ chưa thực hiện : 04 nhiệm vụ**

Đầu tư trang thiết bị cho phòng máy chủ Ngành Tài nguyên - Môi trường

Mua sắm, nâng cấp các phần mềm chuyên Ngành Tài nguyên và Môi trường

Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý phục vụ công tác quản lý của Ngành Tài nguyên Môi trường trên địa bàn toàn tỉnh

Đào tạo và đào tạo lại cho công chức, viên chức kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc và đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu trong lĩnh vực công nghệ thông tin

- Tổng số Danh mục Dự án đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn của đơn vị và các nguồn ngân sách khác năm 2019: 02 nhiệm vụ

**+ Nhiệm vụ đang thực hiện**

Thay thế máy tính làm việc cho công chức, viên chức và các thiết bị tin học tại Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị trực thuộc Sở

**+ Nhiệm vụ chưa thực hiện**

Tập huấn các chương trình phần mềm chuyên ngành tài nguyên và môi trường cho công chức, viên chức của ngành tài nguyên và môi trường từ tỉnh, huyện đến đội ngũ công chức làm công tác địa chính tại các xã, phường

**10. Đánh giá đầu tư cho xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử.**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư. Đối với các Bộ, ngành nếu triển khai tới địa	Tổng mức đầu tư	Kinh phí đã giải ngân	Nguồn vốn (ghi rõ nguồn vốn là Ngân sách Trung ương; ngân
----	---------------------	---------------------------	-------------------	-----------------	------------------------	--	-----------------	-----------------------	---

						phương nêu rõ tới cấp nào (tỉnh/huyện/ xã)			sách địa phương; vốn ODA, ...
1	Duy trì hoạt động của Trang thông tin điện tử (Websit e Sở)	Sở TN&M T	Sở TN&M T	Duy trì hoạt động thường xuyên của Trang thông tin điện tử	Ngành Tài nguyên và Môi trường	Sở TN&MT	176	82	Ngân sách của tỉnh và nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương
...									
Tổng							176	82	

## II. NHỮNG VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

### 1. Đánh giá chung:

Về công tác chỉ đạo điều hành: Lãnh đạo Sở luôn quan tâm đến việc lãnh đạo, chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc tích cực đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong xử lý công việc và trao đổi thông tin. Vì vậy, bước đầu đã nâng cao trình độ CNTT cho công chức, viên chức, người lao động của toàn Sở.

Về triển khai ứng dụng CNTT: Lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động của Sở Tài nguyên và Môi trường đã quan tâm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác chuyên môn. Những năm qua nhiều phần mềm chuyên ngành đã được triển khai đưa vào sử dụng tại các phòng, các đơn vị trực thuộc để giải quyết công việc phục vụ công tác chuyên môn. Hiện nay 100% các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở sử dụng thành thạo Phần mềm Quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc và trao đổi công việc qua hệ thống mạng.

Ứng dụng CNTT trong công việc đã cải thiện được tình hình quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành trong ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng giải quyết công việc góp phần cải cách hành chính trong toàn ngành.

### 2. Khó khăn, vướng mắc

Về phát triển nguồn nhân lực: Nguồn kinh phí đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT của ngành những năm qua còn nhiều hạn chế. Đội ngũ công chức, viên chức làm công tác CNTT ít được tập huấn, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn để bắt kịp sự thay đổi cũng như bước phát triển trong lĩnh vực CNTT.

Về đầu tư cho hạ tầng CNTT: Trong năm qua việc đầu tư cho trang thiết bị máy tính phục vụ chuyên môn của Sở đã được quan tâm, nhưng do nguồn kinh phí hạn hẹp nên việc đầu tư mua sắm chủ yếu là thay thế các thiết bị cũ, hỏng không thể sửa chữa được nữa. Hiện nay Sở vẫn còn hơn 20% số máy tính và thiết bị

CNTT có thời gian sử dụng từ 8 đến 10 năm, cấu hình thấp, thường xuyên xảy ra hỏng hóc không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, cần thiết phải thay thế.

Về hạ tầng trang thiết bị mạng CNTT tại Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị những năm gần đây không được đầu tư nâng cấp ngoại trừ một số hạng mục thiết bị mạng và máy chủ của phòng máy chủ được đầu tư năm 2014. Hiện nay hệ thống mạng LAN của Sở và các đơn vị phục vụ việc kết nối các máy tính trong mạng nội bộ và kết nối ra ngoài mạng internet được coi nới chắp vá lắp ghép nhiều tầng, nhiều lớp không đồng bộ nên trong quá trình sử dụng hay xảy ra sự cố về kết nối mạng.

Về an toàn thông tin: Tại phòng máy chủ Trung tâm CNTT là nơi đặt Trung tâm Cơ sở dữ liệu của ngành trên địa bàn tỉnh hiện nay vẫn còn thiếu một số hạng mục đảm bảo an toàn cho hệ thống máy chủ, bảo vệ an ninh mạng và hệ thống dữ liệu như: hệ thống sao lưu dữ liệu (gồm thiết bị và phần mềm backup cho máy chủ), hệ thống chống sét lưới điện và các thiết bị ổn áp, ổn tần, chống xung, lọc nhiễu cho phòng máy chủ; điều hòa chuyên dụng cho phòng máy chủ cũng như chưa có các thiết bị giám sát, phòng cháy chữa cháy tự động, vv...

### **III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

- Đề nghị UBND tỉnh ưu tiên nâng cấp hệ thống mạng LAN của Sở và nâng cấp phòng máy chủ để đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng CNTT.

- Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông hàng năm tổ chức tập huấn về CNTT cho đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách về CNTT của các sở ngành để cập nhật kiến thức về những đổi thay cũng như những tiến bộ phát triển trong lĩnh vực CNTT, nâng cao trình độ CNTT để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

### **B. KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2020**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Nêu những căn cứ để xây dựng Kế hoạch, cụ thể như:

- Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Luật An toàn thông tin;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ đã được ban hành theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011;
- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;
- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê

duyet Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 triển khai tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2018-2019;

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/1/2019 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Công Dịch vụ công quốc gia;

- Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 22/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017 – 2020;

- Kế hoạch số 454/KH-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Kạn năm 2019;

- Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019;

- Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn, phiên bản 1.0; Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn, phiên bản 1.0 – cập nhật năm 2018;

- Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025;



- Văn bản số 868/STTTT-CNTT ngày 09/7/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước năm 2020.

### **III. MỤC TIÊU**

- Xây dựng hệ thống CSDL đất đai trên địa bàn tỉnh, hoàn thiện hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường kết nối với hệ thống thông tin cốt lõi của tỉnh tạo nền tảng xây dựng CPĐT bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc CPĐT Việt Nam; Kiến trúc CQĐT của tỉnh đã ban hành.

- Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả, chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao (mức độ 3, 4) phục vụ người dân và doanh nghiệp theo hướng hiệu quả (tiết kiệm thời gian, chi phí,...), tăng cường tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp; tiếp tục nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của đơn vị;

- Nâng cao tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, kết nối mạng thông tin phục vụ công việc này theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành QĐ số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của TTg về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT, kỹ thuật bảo đảm ATTT để đáp ứng nhu cầu Ứng dụng Công nghệ thông tin của ngành TN&MT trên địa bàn kết nối với hệ thống thông tin của tỉnh và các Bộ, ngành.

### **IV. NỘI DUNG**

#### **1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ:**

Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, tiếp thu nắm bắt công nghệ thông tin. Bảo đảm an toàn an ninh thông tin, làm chủ không gian mạng; sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của ngành Tài nguyên và Môi trường trong năm 2020.

Đẩy mạnh Ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc nhất là trên môi trường mạng cho đội ngũ công chức, viên chức và người lao động ngành tài nguyên và môi trường, khai thác triệt để hiệu quả các phần mềm dùng chung mà ngành tài nguyên và môi trường đang sử dụng phục vụ trong công tác lãnh đạo chỉ đạo, quản lý, điều hành đơn vị cũng như các phần mềm đang sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của ngành trong xử lý, giải quyết các công việc nhằm thực hiện tốt mọi nhiệm vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh ứng dụng chứng thực điện tử và chữ ký số chuyên dùng trong giao dịch điện tử từng bước thay thế giao dịch truyền thống giữa các cơ quan nhà nước với người dân và các đơn vị trong và ngoài tỉnh,

Hoàn thiện xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin và cơ sở dữ liệu của ngành tài nguyên và môi trường, tạo môi trường làm việc điện tử diện rộng, ổn định, an toàn, an ninh thông tin, nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc; giảm thời gian, chi phí

cũng như nâng cao tính minh bạch trong các hoạt động của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2020 xây dựng xong và đưa vào vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Bắc Kạn; thực hiện xong việc Nâng cấp, mở rộng phần mềm quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Kạn bảo đảm quản lý toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh, Phần đầu đến hết năm 2021 xây dựng xong hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai của tất cả các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh và đưa vào hoạt động sử dụng phục vụ nhiệm vụ quản lý của ngành, phục vụ người dân và doanh nghiệp đồng thời kết nối với hệ thống thông tin của tỉnh tạo nền tảng xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh.

## **2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

Thường xuyên tiếp nhận ý kiến đóng góp của người dân và các tổ chức, doanh nghiệp trên môi trường mạng cũng như tăng cường tổ chức đối thoại, giao lưu trực tuyến, trang thông tin điện tử Website của Sở thường xuyên được nâng cấp mở thêm các chuyên mục trên trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc của Sở cũng như hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

Tăng cường cải cách hành chính, triển khai cung cấp thêm một số dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3 và mức độ 4 trong một số lĩnh vực mà ngành quản lý như đất đai, khoáng sản, môi trường,...

Phát triển các ứng dụng CNTT để phục vụ người dân và doanh nghiệp theo đặc thù của ngành tài nguyên và môi trường vào sử dụng để tra cứu các thông tin tài nguyên và môi trường; cung cấp các dịch vụ công cũng như trong việc tiếp nhận, theo dõi, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết.

## **3. Xây dựng, hoàn thiện các HTTT, CSDL chuyên ngành; Hệ thống thông tin, CSDL quốc gia tạo nền tảng phát triển CPĐT (nếu có)**

Về công tác xây dựng và hoàn thiện các HTTT, CSDL chuyên ngành hiện nay Sở Tài nguyên và Môi trường đang quản lý vận hành CSDL đất đai tại hai huyện Ngân Sơn và Chợ đồn và đang triển khai xây dựng hệ thống CSDL đất đai tại hai huyện Na Rì và thành phố Bắc Kạn, dự kiến đến năm 2022 Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng xong CSDL đất đai trên địa bàn toàn tỉnh đưa vào hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống thông tin đất đai tin ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn kết nối với hệ thống thông tin cốt lõi của tỉnh tạo nền tảng xây dựng CPĐT không chỉ phục vụ cho ngành tài nguyên trong công tác quản lý đất đai, quản lý đô thị mà tiến tới còn phục vụ được đa ngành, đa lĩnh vực.

## **4. Phát triển nguồn nhân lực**

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, quy tắc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho công chức, viên chức của Sở Tài nguyên và Môi trường để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Đào tạo, tập huấn thường xuyên cho đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin để nâng cao năng lực tiếp nhận chuyển giao và làm chủ công nghệ mới, phần mềm nguồn mở,... chủ động phòng ngừa và sẵn sàng xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống thông tin dữ liệu của ngành.

## **5. Phát triển hạ tầng kỹ thuật**

Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, chuẩn hóa, đồng bộ, liên thông với hạ tầng của tỉnh, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng; bảo đảm khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của ngành tài nguyên và môi trường, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công chức, viên chức trong cơ quan phục vụ tác nghiệp giải quyết công việc trên môi trường mạng và khả năng sử dụng các dịch vụ hành chính công phục vụ tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

## **6. Bảo đảm an toàn thông tin**

Triển khai các giải pháp an toàn bảo mật thông tin, cả về phần cứng và phần mềm. Chủ động phòng ngừa và sẵn sàng xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống thông tin.

Trang bị các thiết bị bảo vệ an toàn , an ninh mạng đủ mạnh để bảo vệ như thiết bị Firewall và hàng năm gia hạn bản quyền phần mềm cho Firewall hiện nay Sở có 04 mạng nội bộ, tuy nhiên mới có 01 hệ thống mạng được trang bị thiết bị Firewall bảo vệ còn lại 03 mạng vẫn chưa có mà chỉ sử dụng các phần mềm chống vi rút trên máy tính cá nhân làm việc. Do vậy trong thời gian tới Sở sẽ tìm phương án trang bị các thiết bị Firewall bảo vệ cho các hệ thống mạng đồng thời nghiên cứu giải pháp để gộp nối các hệ thống mạng hiện nay lại thành một mạng chung của Sở và đưa ra một phương án để bảo vệ chung cho toàn bộ hệ thống nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật, phòng, chống và ngăn chặn các hành động xâm nhập trái phép đánh cắp cũng như phá hoại dữ liệu.

Các máy tính cá nhân trong cơ quan cũng cần được cài đặt phần mềm diệt vi rút để bảo đảm an toàn, tránh vi rút xâm nhập, lây lan phá hoại,... góp phần bảo vệ hệ thống cơ sở dữ liệu chung của ngành.

## **V. GIẢI PHÁP**

### **1. Giải pháp môi trường chính sách**

Hoàn thiện các quy chế, quy định về an toàn thông tin; quy chế, quy định về ứng dụng chữ ký số; Các cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ do cơ quan nhà nước cung cấp qua môi trường mạng; Chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước; Quy chế, quy định gắn kết chặt chẽ hoạt động ứng dụng CNTT của tổ chức, của công chức, viên chức với công tác bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm; Quy chế, quy định nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư ứng dụng CNTT,...

### **2. Giải pháp tài chính**

Tìm kiếm thu hút các nguồn tài chính khác nhau, từ ngành dọc đến ngân sách của tỉnh, ngân sách của đơn vị, địa phương; thuê dịch vụ khu vực ngoài nhà nước; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

Hàng năm giành một khoản kinh phí thường xuyên để đầu tư phát triển ứng dụng công nghệ thông tin như: đào tạo nâng cao nghiệp vụ CNTT cho đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, tập huấn CNTT; sửa chữa nâng cấp và thay thế các máy tính cũ hỏng, các thiết bị tin học, bảo trì, nâng cấp hệ thống mạng, thiết bị tường lửa, hàng năm cập nhật mua bản quyền tường lửa, mua phần mềm diệt vi rút,...

Tìm kiếm các nguồn vốn lồng ghép trong các dự án đầu tư từ trung ương cũng như ngân sách địa phương để hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của ngành trên địa bàn. Đầu tư các dự án phát triển công nghệ thông tin của ngành lựa chọn các gói giải pháp có tính mở để có thể nâng cấp trong tương lai đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn được giao.

### ***3. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính***

Thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ ứng dụng CNTT với cải cách quy trình, thủ tục hành chính; triển khai thí điểm mô hình ứng dụng CNTT sau đó nhân rộng.

Thực hiện chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Thực hiện triển khai lồng ghép phổ biến kiến thức tin học và ứng dụng công nghệ thông tin cho công chức, viên chức trong các chương trình tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ ứng dụng, tiếp cận công nghệ thông tin của đội ngũ công chức, viên chức trong cơ quan và các đơn vị trực thuộc Sở.

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, nâng cấp, cải tạo hệ thống mạng, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có tại các đơn vị để đảm bảo triển khai các ứng dụng của ngành.

Nâng cấp, cải tạo phòng máy chủ và hệ thống mạng đặt tại Trung tâm công nghệ thông tin để trở thành đầu mối kết nối, là Trung tâm cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tập trung của ngành trên địa bàn tỉnh, sử dụng công nghệ lưu trữ điện toán đám mây và mọi tác nghiệp trên cơ sở dữ liệu đều được thực hiện trên môi trường mạng, đây là một bước tiến lớn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin của ngành tài nguyên và môi trường vào phục vụ nhiệm vụ trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường góp phần thực hiện thành công chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh.

### ***4. Giải pháp tổ chức, triển khai***

Tăng cường vai trò người đứng đầu các cơ quan nhà nước; hoạt động phối hợp giữa các đơn vị, địa phương với Sở Thông tin và Truyền thông trong triển khai ứng dụng CNTT.

## **VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN**

*(Theo biểu chi tiết kèm theo)*

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các phòng chuyên môn, đơn vị**

Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch này; phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường, các cơ quan liên quan để triển khai thực hiện tốt kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan gắn liền với cải cách thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực chuyên môn, nhiệm vụ được giao.

### **2. Văn phòng Sở**

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị tham mưu cho Lãnh đạo Sở cân đối, bố trí kinh phí đầu tư cho các nội dung xây dựng trong kế hoạch từ nguồn ngân sách được cấp để thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường tham mưu cho Lãnh đạo Sở chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch đã xây dựng; tham mưu cho Lãnh đạo Sở giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh.

### **3. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường**

Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT làm đầu mối, phối hợp với Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc Sở và các cơ quan liên quan tham mưu cho Lãnh đạo Sở chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch đảm bảo đồng bộ, hiệu quả. Định kỳ hàng năm đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo lãnh đạo Sở.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn năm 2019./.

***Nơi nhận:***

*Gửi bản điện tử:*

- Sở TT&TT;

- Lãnh đạo Sở;

*Gửi bản giấy:*

- Sở TT&TT;

- Lưu VT, TT CNTT ( 02 ).

**GIÁM ĐỐC**

**Nông Văn Kỳ**

## DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN TRIỂN KHAI NĂM 2020

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Nội dung đầu tư năm 2020	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn (ghi rõ nguồn vốn là Ngân sách TW; ngân sách ĐP; vốn ODA, ...)	Kinh phí đầu tư năm 2020
1	Nâng cấp mạng LAN tại Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở TT&TT	CNTT		Đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng	Hệ thống trang thiết bị mạng tại Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trong năm 2020	Xây dựng hệ thống mạng chung Sở TN&MT	500	Nguồn ngân sách của tỉnh và nguồn vốn hỗ trợ từ TW	500
	Đầu tư trang thiết bị cho phòng máy chủ ngành Tài nguyên và Môi trường	Sở TN&MT	CNTT		Đáp ứng yêu cầu triển khai các ứng dụng CNTT của ngành trên địa bàn	Phòng máy chủ Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trong năm 2020	Thiết bị lưu trữ và sao lưu dữ liệu tự động,	3.800	Nguồn ngân sách của tỉnh và nguồn vốn hỗ trợ từ TW	500
	Mua sắm, nâng cấp các phần mềm chuyên ngành Tài nguyên và môi trường	Sở TN&MT	CNTT		Đáp ứng yêu cầu triển khai các ứng dụng CNTT của ngành trên địa bàn	Ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh	Ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh	Trong năm 2020	Mua sắm, nâng cấp các phần mềm	1.600	Nguồn ngân sách của tỉnh và nguồn vốn hỗ trợ từ TW	500
	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý phục vụ công tác quản lý của ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở TN&MT	CNTT		hoàn thiện hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường	Ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh	Ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh	Trong năm 2020	Xây dựng cơ sở dữ liệu	14.000	Nguồn ngân sách của tỉnh và nguồn vốn hỗ trợ từ TW	5.000
	Duy trì hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu Tài nguyên và Môi trường phục vụ công tác quản lý của ngành tài nguyên môi trường trên toàn tỉnh	Sở TN&MT	CNTT		Phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn, nhanh gọn, chính xác, ngoài ra còn đáp ứng	Vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu TN&MT tại Sở TN&MT	Sở TN&MT tỉnh bắc Kạn	Nhiệm vụ thường xuyên hàng năm	Chi phí Nhiên, Nguyên vật liệu, đường truyền mạng,	400	Nguồn ngân sách của tỉnh và nguồn vốn hỗ trợ từ TW	400

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Nội dung đầu tư năm 2020	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn (ghi rõ nguồn vốn là Ngân sách TW; ngân sách ĐP; vốn ODA, ...)	Kinh phí đầu tư năm 2020
					yêu cầu phục vụ người dân, tổ chức có nhu cầu tra cứu thông tin đất đai trên môi trường mạng internet				thay thế thiết bị hỏng, bổ sung dung lượng lưu trữ			
	Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống máy chủ và hệ thống mạng của ngành Tài nguyên và Môi trường	Sở TN&MT	CNTT		Đáp ứng yêu cầu triển khai các ứng dụng CNTT của ngành trên địa bàn	Thay thế trang thiết bị cũ, hỏng	phòng máy chủ Sở TN&MT	Trong năm 2020	Thay thế trang thiết bị cũ, hỏng	200	Nguồn ngân sách của tỉnh và nguồn vốn hỗ trợ từ TW	200
	Duy trì các hoạt động của trang thông tin điện tử (Website sở)	Sở TN&MT	CNTT		Bảo đảm trang web hoạt động thông suốt, an toàn, bảo mật	Phục vụ công tác quản lý nhà nước và các hoạt động của ngành	Ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh	Nhiệm vụ thường xuyên hàng năm	Duy trì hoạt động của trang web	190	Nguồn ngân sách của tỉnh và nguồn vốn hỗ trợ từ TW	190
	Số hoá kho dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ cho công tác lưu trữ và quản lý nhà theo quy định (giai đoạn II từ năm 2012- 2020)	Sở TN&MT	CNTT		Hoàn thiện hệ thống thông tin ngành TN&MT, phục vụ công tác quản lý, khai thác thông tin và lưu trữ tài liệu đảm bảo thuận tiện, nhanh chóng, khoa học theo đúng tiêu chuẩn quy định	Số hoá toàn bộ thông tin tài liệu lưu trữ trong Kho TN&MT từ năm 2012 đến 2020	Ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh	Năm 2020	Số hoá kho dữ liệu về tài nguyên và môi	2000	Nguồn ngân sách của tỉnh và nguồn vốn hỗ trợ từ TW	2000
	Đào tạo và đào tạo lại cho công chức, viên chức kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc và đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu trong lĩnh vực công nghệ thông tin	Sở TN&MT	CNTT		Nâng cao trình độ CNTT cho đội ngũ chuyên trách để đảm đương các	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Nhiệm vụ thường xuyên hàng	Đào tạo và đào tạo lại kiến thức	100	Nguồn ngân sách của tỉnh và nguồn vốn hỗ trợ từ TW	100

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Nội dung đầu tư năm 2020	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn (ghi rõ nguồn vốn là Ngân sách TW; ngân sách ĐP; vốn ODA, ...)	Kinh phí đầu tư năm 2020
					nhiệm vụ được giao của ngành			năm	chuyên sâu trong lĩnh vực công nghệ thông tin			
	Thay thế máy tính làm việc cho công chức, viên chức và các thiết bị tin học tại Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị trực thuộc Sở	Sở TN&MT	CNTT		Đảm bảo Nâng cao trình độ ứng dụng CNTT của ngành từ tỉnh, huyện đến xã, phường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc	Nhiệm vụ thường xuyên hàng năm	Thay thế máy tính cũ, hỏng các thiết bị tin học không đáp ứng được yêu cầu	200	Nguồn vốn đơn vị và các nguồn vốn hợp pháp khác	200
	Tập huấn các chương trình phần mềm chuyên ngành tài nguyên và môi trường cho công chức, viên chức của ngành tài nguyên và môi trường từ tỉnh, huyện đến đội ngũ công chức làm công tác địa chính tại các xã, phường	Sở TN&MT	CNTT		Nâng cao trình độ ứng dụng CNTT của ngành từ tỉnh, huyện đến xã, phường.	Ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh	Ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh	Năm 2020	Tập huấn các chương trình phần mềm chuyên ngành TN&MT	50	Nguồn vốn đơn vị và các nguồn vốn hợp pháp khác	50